TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST.
Ngày: 25-07-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Bình Hoà;

2. Ông Đặng Minh Lý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2025/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; trụ sở: Số X, đường Trần Quang Khải, phường L, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội (nay là phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn:

1. Ông Bùi Hữu T – Trưởng phòng khách hàng bán lẻ, vắng mặt;

2. Ông Phạm Nhật P – Phó Trưởng phòng khách hàng bán lẻ, vắng mặt;

3. Ông Mai Thanh H – Phó Trưởng phòng khách hàng bán lẻ, vắng mặt;

4. Bà Bùi Thị Kim N – Phó Trưởng phòng khách hàng bán lẻ, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số X, Đại lộ Bình Dương, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1974, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

2.2. Ông Vũ Quốc D, sinh năm 1969, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số X đường H, Tổ 24, Khu phố 4, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình D (nay là phường Phú Lợi, Thành phố phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/01/2017, Ngân Hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân Hàng V) với bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D ký hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2 với nội dung: Ngân Hàng V cho bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D vay số tiền 250.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 23/01/2017. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11.2% và thay đổi theo điều chỉnh của Ngân Hàng Ngoại thương, khi có thay đổi mức lãi suất Ngân Hàng Vsẽ thông báo cho khách hàng; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Phương thức trả: Bên vay phải trả nợ gốc và lãi hàng tháng, mỗi tháng bà H và ông D phải trả gốc theo lịch trả nợ cụ thể theo từng kỳ kèm theo lịch trả nợ khi giải ngân. Số tiền 250.000.000 đồng được giải ngân làm 03 lần:

+ Lần 1 giải ngân vào số tài khoản 0288.0000.98565 số tiền 90.000.000 đồng. Mỗi kỳ phải trả tiền gốc là 1.500.000 đồng và lãi phát sinh. Ngày giải ngân là ngày 23/01/2017. Bà H, ông D đã trả được 66.593.609 đồng tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/07/2020. Từ ngày 29/07/2020, bà H và ông D không tiếp tục trả nợ cho Ngân Hàng Ngoại thương. Bà H và ông D còn nợ số tiền gốc là 23.406.391 đồng và lãi tính đến ngày 24/06/2025 là 18.546.929 trong đó lãi quá hạn 13.037.916 đồng, lãi phạt là 5.509.013 đồng.

+ Lần 2 giải ngân vào số tài khoản 0288.0000.98648 số tiền 90.000.000 đồng. Mỗi kỳ phải trả tiền gốc là 1.500.000 đồng và lãi phát sinh. Ngày giải ngân là ngày 24/01/2017. Bà H, ông D đã trả được 61.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/07/2020. Từ ngày 29/07/2020, bà H và ông D không tiếp tục trả nợ cho Ngân Hàng V. Bà H và ông D còn nợ số tiền gốc là 28.500.000 đồng và lãi tính đến ngày 24/06/2025 là 23.583.068 đồng bao gồm lãi quá hạn 16.643.887 đồng; lãi phạt là 6.939.181 đồng.

+ Lần 3 giải ngân vào số tài khoản 0288.0000.98859 số tiền 70.000.000 đồng. Mỗi kỳ phải trả tiền gốc là 1.160.000 đồng, kỳ cuối trả số tiền 1.560.000 đồng và lãi phát sinh. Ngày giải ngân là ngày 25/01/2017. Bà H đã trả được 47.560.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/07/2020. Từ ngày 29/07/2020, bà H và ông D không tiếp tục trả nợ cho Ngân Hàng V. Bà H và ông D còn nợ số tiền gốc là 22.440.000 đồng và lãi tính đến ngày 24/06/2025 là 18.552.324 trong đó lãi quá hạn 13.106.266 đồng; lãi phạt là 5.446.058 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc bà H và ông D còn nợ của Ngân Hàng V là 74.346.391 đồng và lãi tính đến ngày 24/06/2025 là 60.682.321 đồng bao gồm lãi quá hạn 42.788.069 đồng; lãi phạt 17.894.252 đồng. Kể từ ngày 29/07/2020 đến nay bà H và ông D không tiếp tục trả nợ cho Ngân Hàng V.

Ngân Hàng TMCP V yêu cầu bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D phải trả số tiền gốc là 74.346.391 đồng và lãi tính đến ngày 24/06/2025 là 60.682.321 đồng bao gồm lãi quá hạn 42.788.069 đồng; lãi phạt là 17.894.252 đồng. Kể từ ngày 25/6/2025, bà H và ông D phải tiếp tục trả lãi cho Ngân Hàng TMCP V theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2. Khoản vay của bà H và ông D không có tài sản bảo đảm.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:

Ngày 23/01/2017, bà Nguyễn Thu H và Ngân Hàng TMCP V có ký Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2 với nội dung: Ngân Hàng Vcho bà Nguyễn Thu H vay số tiền 250.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 23/01/2017. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11.2% và thay đổi theo điều chỉnh Ngân Hàng Ngoại thương; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Phương thức trả: mỗi tháng bà H phải trả nợ gốc và lãi theo lịch trả nợ. Số tiền 250.000.000 đồng được giải ngân vào 03 tài khoản:

+ Số tài khoản 028.80000.98648 số tiền 90.000.000 đồng. Bà H đã trả được 61.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/07/2020.

+ Số tài khoản 0288.0000.98565 số tiền 90.000.000 đồng. Bà H đã trả được 66.593.609 đồng tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/07/2020.

+ Số tài khoản 0288.0000.98859 số tiền 70.000.000 đồng. Bà H đã trả được 47.560.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/07/2020.

Khoản vay của bà Nguyễn Thu H không có tài sản bảo đảm, bà H là người vay tiền Ngân Hàng Vvà nhận tiền nhưng do thủ tục nên khi làm hồ sơ phải có chữ ký của chồng bà H là ông Vũ Quốc D.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP V, bà Nguyễn Thu H đồng ý trả toàn bộ số nợ của Ngân Hàng Vlà 74.346.391 đồng tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/06/2025 là 60.682.321 đồng bao gồm lãi quá hạn 42.788.069 đồng; lãi phạt là 17.894.252 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho ông Vũ Quốc D nhưng ông D không đến Toà án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu gì đối với vụ án.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 25/7/2025, nguyên đơn yêu cầu ông Vũ Quốc D và bà Nguyễn Thu H trả tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/7/2025 là 136.037.032 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 74.346.391 đồng và lãi quá hạn là 43.460.283 đồng và lãi phạt là 18.230.358 đồng. Kể từ ngày 26/7/2025 đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân Hàng TMCP V, ông Vũ Quốc D và bà Nguyễn Thu H còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2 ngày 23/01/2017.

- Bị đơn bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến Hnh đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thu H đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn Vũ Quốc D chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP V đối với bị đơn bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện Ngân Hàng TMCP V yêu cầu bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D trả nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2 ngày 23/01/2017 nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[1.2]. Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D có nơi cư trú tại phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - THnh phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự tham gia của các đương sự tại phiên toà: Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn; bị đơn ông Vũ Quốc D và bà Nguyễn Thu H đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 23/01/2027, Ngân Hàng TMCP V với bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D ký Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2, có nội dung: Ngân Hàng TMCP V cho bà H và ông D vay số tiền 250.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 23/01/2017. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11.2% và thay đổi theo điều chỉnh Ngân Hàng Ngoại thương; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Phương thức trả: Bên vay phải trả nợ gốc theo lịch và trả lãi Hàng tháng. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng còn thoả thuận về quyền, nghĩa vụ của các bên. Xét thấy, việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2 giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi Hnh đối với các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Sau khi ký Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2, Ngân Hàng TMCP V đã giải ngân cho bà H, ông D vay số tiền 250.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1 giải ngân vào số tài khoản 0288.0000.98565 số tiền 90.000.000 đồng vào ngày 23/01/2017; Lần 2 giải ngân vào số tài khoản 028.80000.98648 số tiền 90.000.000 đồng vào ngày 24/01/2017; Lần 3 giải ngân vào số tài khoản 0288.0000.98859 số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 25/01/2017.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D đã trả cho Ngân Hàng V số tiền gốc là 175.653.609 đồng (trong đó nợ gốc của tài khoản số 0288.0000.98565 là 66.593.609 đồng; số tài khoản 028.80000.98648 là 61.500.000

đồng; số tài khoản 0288.0000.98859 47.560.000 đồng) và lãi phát sinh đến ngày 28/07/2020. Kể từ ngày 29/7/2020 đến nay, bà H và ông D không tiếp tục trả nợ cho Ngân Hàng V. Bà H và ông D còn nợ số tiền gốc là 74.346.391 đồng (trong đó: số tài khoản 0288.0000.98565 là 23.406.391 đồng; số tài khoản 028.80000.98648 là 28.500.000 đồng; số tài khoản 0288.0000.98859 là 22.440.000 đồng).

[2.4] Từ ngày 29/7/2020, bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D không trả nợ cho Ngân Hàng TMCP V là vi phạm thoả thuận tại Điều 5 và Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2. Ngân Hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D phải trả nợ gốc là 74.346.391 đồng và lãi phát sinh là đúng quy định tại các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.5] Bà Nguyễn Thu H xác định hiện nay còn nợ Ngân Hàng V số tiền nợ gốc là 74.346.391 đồng và đồng ý trả cho Ngân Hàng V số tiền gốc còn nợ và lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký; không yêu cầu ông D cùng liên đới trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Quốc D không đến Toà án làm việc và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2 và các giấy đề nghị rút vốn kiêm giấy nhận nợ đều do ông Vũ Quốc D và bà Nguyễn Thu H ký với Ngân Hàng TMCP V nên ông D và bà H đều phải có trách nhiệm đối với khoản nợ của Ngân Hàng Ngoại thương. Quá trình giải quyết vụ án, bà H đồng ý trả toàn bộ số nợ cho Ngân Hàng Ngoại thương, không yêu cầu ông D cùng trả nợ nhưng ý kiến của bà H không được Ngân Hàng Vchấp nhận do đó bà H và ông D phải có trách nhiệm cùng liên đới trả nợ cho Ngân Hàng V tổng số tiền tính đến ngày 25/7/2025 là 136.037.032 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 74.346.391 đồng và lãi quá hạn là 43.460.283 đồng, lãi phạt là 18.230.358 đồng.

Từ ngày 26/7/2025 đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân Hàng TMCP V, ông Vũ Quốc D và bà Nguyễn Thu H còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2 ngày 23/01/2017.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng: Ngân Hàng TMCP V phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.615.000đ (ba triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Toà án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân Hàng TMCP V không phải chịu án phí; bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D phải liên đới chịu số tiền 3.400.926 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng Hnh chính, Luật tư pháp người chưa tHnh niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

- Căn cứ các điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP V đối với bị đơn bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Về số tiền nợ: Bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân Hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2 ngày 23/01/2017 với tổng số tiền tạm tính 25/7/2025 là 136.037.032 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 74.346.391 đồng và lãi quá hạn là 43.460.283 đồng; lãi phạt là 18.230.358 đồng.

- Từ ngày 26/7/2025, bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 014D17/CN/CNV2 ngày 23/01/2017 cho đến khi trả xong khoản nợ cho Ngân Hàng TMCP V.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân Hàng TMCP V phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.615.000đ (ba triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Toà án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thu H và ông Vũ Quốc D phải liên đới chịu số tiền 3.400.926 đồng.

- Trả lại cho Ngân Hàng TMCP V số tiền 3.193.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009389 ngày 05/03/2025 tại Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố Thủ Dầu Một.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Thị Hồng Phương